TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K,** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST
Ngày: 25/04/2022
V/v: "Yêu cầu công nhận tính pháp của di chúc,
công nhận người quản lý di sản thờ cúng theo di chúc."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị NB

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hồ Thị Kim L

2/ Ông Phan Công N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ An T – Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố C.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố C tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị TN – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2020/TLST- DS ngày 30 tháng 07 năm 2020 về việc *"Tranh chấp yêu cầu công nhận tính hợp pháp của di chúc, yêu cầu công nhận người quản lý di sản thờ cúng theo di chúc"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2022/QĐST- DS ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Đoàn Vĩnh P, sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: đường T, phường H, quận K, thành phố C.

Ông Đoàn Vĩnh P ủy quyền cho bà Lê Thị Ngọc D theo giấy ủy quyền ngày 04/03/2020 (có mặt).

- ***Bị đơn***: 1/ Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ đường T, phường H, quận K, thành phố C.

2/ Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường M, phường T, quận B, thành phố C.

<u>Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan</u>: ông Đoàn Vĩnh Q, bà Đoàn Thị L (có mặt)

Địa chỉ: đường T, phường H, quận K, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/04/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/06/2020, ngày 17/08/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cha của nguyên đơn là ông Đoàn Văn M có 05 người con: bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị H, ông Đoàn Vĩnh P, bà Đoàn Thị T, ông Đoàn Vĩnh Q. Khi còn sống ông M có tạo lập được phần tài sản gồm các thửa đất số 184,185,186+4 tờ bản đồ số 45+61 có tổng diện tích là 556,8 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04948 do Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh C cấp ngày 12/06/2003, chỉnh lý ngày 20/02/2008 cho ông Đoàn Văn M. Trước khi chết ông M có lập di chúc ngày 19/03/2008 tại phòng công chứng số A thành phố C, số công chứng 34 quyển số: 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD. Trong nội dung di chúc ông M đã chỉ định ông Đoàn Vĩnh P là người quản lý, sử dụng di sản và dùng tài sản là các thửa đất số 184,185,186+4 tờ bản đồ số 45+61 vào việc thờ cúng, khi gặp hoàn cảnh khó khăn thì các con của ông M có thể thỏa thuận với nhau về việc chuyển nhượng phần đất tại các thửa 184,186+4 tờ bản đồ số 45+61, số tiền thu được từ việc chuyển nhượng sẽ được chia đều cho các con, khi chuyển nhượng các thửa đất phải chừa lối đi vào phần mộ của gia đình. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận tính hợp pháp của di chúc, yêu cầu công nhận ông P là người quản lý di sản thờ cúng theo di chúc.

Bị đơn bà Đoàn Thị H trong bản tự khai ngày 15/02/2022 trình bày: Bà không đồng ý cho ông Đoàn Vĩnh P được đứng tên trên phần nhà và đất là di sản của ông Đoàn Văn M tọa lạc tại đường T, phường H, quận K, thành phố C vì đây là di sản thờ cúng của gia đình, đồng thời có yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn Đoàn Thị T tại biên bản hòa giải ngày 26/04/2021 trình bày: tôi thống nhất việc công nhận di chúc ngày 19/03/2008 của ông Đoàn Văn M, sinh năm: 1939 được lập tại phòng công chứng số A thành phố C có số công chứng 34

quyển số: 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD là hợp pháp và thực hiện việc phân chia di sản thừa kế theo di chúc của ông M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L trình bày: Tôi thống nhất việc công nhận di chúc ngày 19/03/2008 của ông Đoàn Văn M, sinh năm: 1939 được lập tại phòng công chứng số A thành phố Cần Thơ có số công chứng 34 quyển số: 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD là hợp pháp và thực hiện việc phân chia di sản thừa kế theo di chúc của ông M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Vĩnh Q trình bày: Tôi thống nhất việc công nhận di chúc ngày 19/03/2008 của ông Đoàn Văn M, sinh năm: 1939 được lập tại phòng công chứng số A thành phố có số công chứng 34 quyển số: 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD là hợp pháp và thực hiện việc phân chia di sản thừa kế theo di chúc của ông M.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Đoàn Thị H vắng mặt.

Bị đơn bà Đoàn Thị T vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Vĩnh Q trình bày: ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu ông P phải dọn ra khỏi nhà và đất tại đường T, phường H, quận K, thành phố C.. Đây là di sản thờ cúng, các anh em trong gia đình phải có quyền sử dụng ngang nhau đối với phần nhà và đất trên, việc một mình ông P ở trong căn nhà trên là không phù hợp. Hiện tại các thành viên trong gia đình đang gặp rất nhiều khó khăn nên không đồng ý để ông P quản lý và sử dụng di sản thừa kế.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:**

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn xét xử vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Ông Đoàn Văn M lập di chúc ngày 19/03/2008, tại phòng công chứng số A thành phố C, số công chứng 34 quyển số: 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD, thời điểm lập di chúc, ông Đoàn Văn M minh mẫn, tinh thần sáng suốt và có thực hiện việc giám định tâm thần theo giấy chứng nhận tâm thần kinh số: 274/BVTT của Bệnh viện tâm thần thành phố C. Di chúc được lập hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối, đe dọa hay ép buộc, tại thời điểm lập di chúc các thửa đất số 184,185,186+4 tờ bản đồ số 45+61 có tổng diện tích là 556,8 m^2 do Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Đoàn Văn M nên ông M có toàn quyền định đoạt các tài sản trên theo ý chí của mình, đồng thời ông M cũng chỉ định ông Đoàn Vĩnh P là người quản lý, sử dụng di sản nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Đoàn Vĩnh P yêu cầu công nhận tính hợp pháp của di chúc do ông Đoàn Văn M, sinh năm: 1939 lập ngày 19/03/2008 tại phòng công chứng số A thành phố Cần Thơ, có số công chứng 34 quyển số: 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD, đồng thời xác định nguyên đơn là người quản lý di sản theo di chúc. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về thừa kế (yêu cầu công nhận tính hợp pháp của di chúc, yêu cầu công nhận người quản lý di sản thờ cúng theo di chúc) ". Bị đơn bà Đoàn Thị T cư ngụ tại: số đường T, phường H, quận K, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố C theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về thủ tục tố tụng*****:** Bị đơn bà Đoàn Thị H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Đoàn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Hg, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] ***Xét tính hợp pháp của di chúc*****:**

Về hình thức của di chúc: ông Đoàn Văn M lập di chúc bằng văn bản có công chứng vào ngày 19/03/2008 tại phòng công chứng số A thành phố C, số công chứng 34 quyển số 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD là phù với quy định tại Điều 650 và Điều 657, Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005, đồng thời những tình tiết sự kiện đã được ghi trong văn bản công chứng là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về chủ thể lập di chúc: Tại thời điểm lập di chúc ông Đoàn Văn M minh mẫn, tinh thần sáng suốt, có thực hiện việc giám định tâm thần theo giấy chứng nhận tâm thần kinh số: 274/BVTT của Bệnh viện tâm thần thành phố C. Việc lập di chúc của ông M là hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối, đe dọa hay ép buộc nên phù hợp theo quy định tại Điều 647 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nội dung di chúc:

- Các thửa đất số 184,185,186+4 tờ bản đồ số 45+61 có tổng diện tích là 556,8 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04948 do Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh C cấp ngày 12/06/2003, chỉnh lý ngày 20/02/2008 cấp cho ông Đoàn Văn M nên ông M có toàn quyền định đoạt các tài sản trên theo ý chí của mình. Trong nội dung di chúc ông M đã chỉ định ông Đoàn Vĩnh P là người quản lý, sử dụng di sản và dùng phần tài sản gồm các thửa đất số 184,185,186+4 tờ bản đồ số 45+61 vào việc thờ cúng điều này là phù hợp theo quy định tại Điều 670 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đến thời điểm giải quyết vụ án, các thửa đất số 184,185,186+4 tờ bản đồ số 45+61 đã được Tòa án thực hiện thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ và được thể hiện trong bản trích đo địa chính số: 41/TTKTNMT ngày 18/03/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường – Sở Tài nguyên và môi trường thành phố c.

Do đó, Di chúc ngày 19/03/2008 của ông Đoàn Văn M, sinh năm: 1939 được lập tại phòng công chứng số A thành phố C, có số công chứng 34 quyển số: 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD là hoàn toàn hợp pháp. Ông Đoàn Vĩnh P yêu cầu công nhận ông P là người quản lý di sản thờ cúng theo sự chỉ định của ông M trong di chúc là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

[4] ***Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định.***

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí và chi phí thẩm định. Nguyên đơn đã nộp 7.000.000đ chi phí

xem xét thẩm định tại chỗ nên các bị đơn phải thanh toán 7.000.000đ lại cho nguyên đơn. Mỗi Bị đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 631, Điều 634, Điều 638, Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 657, Điều 658, Điều 667, Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận di chúc ngày 19/03/2008 của ông Đoàn Văn M, sinh năm: 1939 được lập tại phòng công chứng số A thành phố C, có số công chứng 34 quyển số: 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD là hợp pháp. Các đồng thừa kế của ông Đoàn Văn M gồm: bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị H, ông Đoàn Vĩnh P, bà Đoàn Thị T, ông Đoàn Vĩnh Q thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo di chúc của ông Đoàn Văn M.

Công nhận ông Đoàn Vĩnh P là người quản lý di sản thờ cúng theo di chúc ngày 19/03/2008 của ông Đoàn Văn M, sinh năm: 1939 được lập tại phòng công chứng số A thành phố C có số công chứng 34 quyển số: 01/2008/TP/CC-SCC/HĐGD.

Ông Đoàn Vĩnh P có quyền liên hệ với có quan có thẩm quyền để yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tư cách là người quản lý di sản thờ cúng theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí: Nguyên đơn được nhận lại 11.000.000đ (mười một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002741 ngày 29/06/2020. Mỗi bị đơn phải chịu: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

-Về chi phí thẩm định: Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp.C
- VKSND Q.K;
- VKSND TP. C;
- Chi cục THADS Q.K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị NB